

Bản án số: **280/2023/HS-ST**

Ngày 21/9/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Nhàn;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thúy Mai và bà Nguyễn Thị Hoàng Lan.

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Vũ Hoàng Yến, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Quỳnh Anh, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 266/2023/TLST-HS ngày 06/9/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 265/2023/QĐXXST-HS ngày 08/9/2023, đối với các bị cáo:

1. LÊ MINH VƯƠNG, tên gọi khác: Không; sinh ngày 07 tháng 01 năm 1988; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Tổ D, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H và bà Phạm Thị N; có vợ là Đặng Thị C và có 03 con. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Quyết định số 13618 ngày 05/04/2018 của Công an thành phố T xử phạt vi phạm hành chính số tiền 3.000.000đ về hành vi “Xâm hại sức khỏe của người khác”. Nộp phạt ngày 17/04/2019

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T từ ngày 03/04/2023 đến nay, có mặt.

2. TRƯƠNG ANH VĂN, tên gọi khác: Không; sinh ngày 20 tháng 11 năm 2000; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Xóm C, xã Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 08/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn H1 và bà Lê Thị Ngọc M; Chưa có vợ, con.

Tiền án: Tại bản án số 336/2019/HSST ngày 18/07/2019, tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xử phạt 24 tháng tù về tội “Bắt người trái pháp luật” Chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/05/2021.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T từ ngày 03/04/2023 đến nay, có mặt.

3. NGUYỄN THỊ NGỌC LAN, tên gọi khác: Không; sinh ngày 08 tháng 07 năm 2005; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm H, xã V, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: 09/12; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H2 và bà Tạ Thị T; Chưa có chồng, con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T từ ngày 03/04/2023 đến nay, có mặt.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo:

Ông Nguyễn Văn H2 và bà Tạ Thị T (bố mẹ đẻ của bị cáo), địa chỉ: Xóm H, xã V, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên, (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Hoàng Thị B, Cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T (có mặt)

4. NGUYỄN THỊ D, tên gọi khác: Không; sinh ngày 03 tháng 03 năm 2005; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm A, xã T, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: 09/12; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K và bà Lê Thị S; Chưa có chồng, con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T từ ngày 03/04/2023 đến nay, có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Anh Dương Minh H3, sinh năm 2003; địa chỉ: Tổ H, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, có mặt.

- Ông Trương Văn H1, sinh năm 1972; địa chỉ: Xóm C, xã Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, có mặt.

- Ông Phạm Minh D1, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ B, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, vắng mặt.

- Chị Lê Quỳnh T1, sinh năm 1992; địa chỉ: Tổ D, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, vắng mặt.

- Anh Mai Mạnh C1, sinh năm 1993; địa chỉ: Tổ dân phố L, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, vắng mặt.

Người làm chứng:

- Chị Trương Thị Mỹ D2, sinh năm 2005; địa chỉ: Thôn N, xã N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn, có mặt.
- Anh Nguyễn Đức T2, sinh năm 1984; địa chỉ: Xóm M, xã K, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, vắng mặt.
- Anh Trần Huy H4, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ A, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, vắng mặt.
- Anh Đoàn Duy V, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ A, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, vắng mặt.
- Anh Nông Minh Q, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ G, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, vắng mặt.
- Anh Tống Huy T3, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ A, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, vắng mặt.

Người chứng kiến:

- Anh Nguyễn Duy V1, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ D, phường G, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, vắng mặt.
- Anh Ngô Quang H5, sinh năm 1964; địa chỉ: Tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 04 giờ 50 phút ngày 03/4/2023, tổ công tác Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố T kiểm tra ngôi nhà số D, thuộc tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, thời điểm kiểm tra Trương Anh V2 đang ở tại gian ngoài ngôi nhà, tại phòng ngủ phía trong có 08 nam, nữ thanh niên, gồm: Lê Minh V3, Nguyễn Đức T2, Nông Minh Q, Đoàn Duy V, Trần Huy H4, Nguyễn Thị Ngọc L, Nguyễn Thị D3, Trương Thị Mỹ D2. Tiến hành kiểm tra phòng ngủ trên, phát hiện thu giữ: Trong túi xách màu hồng của L để trên mặt đệm có 01 túi nilon màu trắng chứa chất tinh thể màu trắng, 01 gói được gói bằng tờ tiền 5.000 đồng bên trong chứa chất bột màu trắng; tại mặt đệm, phía cuối giường có 01 đĩa sứ màu trắng, trên mặt đĩa có bám dính chất bột màu trắng, 01 thẻ nhựa màu tím, 01 ống hút được cuốn bằng tờ tiền 10.000 đồng; tại ghế có 01 túi nilon màu trắng chứa 02 viên nén màu xám và mảnh viên nén màu xám. Tiến hành kiểm tra gian ngoài ngôi nhà, vị trí của V2 nằm phát hiện thu giữ tại bệ cửa sổ có 01 túi nilon màu trắng chứa các mảnh viên nén màu xám. Kiểm tra người 09 đối tượng trên không phát hiện, thu giữ gì liên quan đến ma túy. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản sự việc và thu giữ vật chứng theo quy định. Ngoài ra, tổ công tác tạm giữ 01 loa bluetooth màu xanh, 01 đèn nháy, 03 điện thoại di động và 01 xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Grand I10, màu đỏ, biển kiểm soát 20A-197.21.

Tiến hành xét nghiệm việc sử dụng chất ma túy xác định: Lê Minh V3, Nông Minh Q, Đoàn Duy V dương tính với chất ma túy loại MDMA, KET, MET; Trương Anh V2, Trương Thị Mỹ D2, Nguyễn Đức T2, Nguyễn Thị Ngọc L dương tính với chất ma túy MDMA, KET; Nguyễn Thị D3, Trần Huy H4 dương tính với chất ma túy KET.

Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã cân xác định số chất tinh thể màu trắng thu giữ trong túi xách màu hồng, có khối lượng là 1,311 gam, ký hiệu L1 gửi giám định; chất bột màu trắng thu giữ trong túi xách màu hồng có khối lượng: 0,092gam, ký hiệu L2 gửi giám định; 02 viên nén màu xám và mảnh viên nén màu xám thu giữ tại ghế có khối lượng 1,101gam, ký hiệu G1 gửi giám định; các mảnh viên nén màu xám thu giữ tại bệ cửa sổ có khối lượng: 0,207gam, ký hiệu V1 gửi giám định. Đồng thời, gửi giám định đối với 01 đĩa sứ màu trắng, trên mặt đĩa có bám dính chất bột màu trắng, 01 thẻ nhựa màu tím, 01 ống hút được cuốn bằng tờ tiền 10.000 đồng (ký hiệu NS1).

Tại Kết luận giám định số 571/KL-KTHS ngày 12/4/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh T, kết luận: Các mảnh viên nén màu xám trong bì niêm phong ký hiệu V1 gửi giám định là chất ma túy, loại MDMA, khối lượng thu giữ ban đầu là 0,207 gam; Chất tinh thể màu trắng trong bì niêm phong ký hiệu L1 gửi giám định là chất ma túy, loại Ketamine, khối lượng thu giữ ban đầu là 1,311 gam; Chất bột màu trắng trong bì niêm phong ký hiệu L2 gửi giám định là chất ma túy, loại Ketamine, khối lượng thu giữ ban đầu là 0,092 gam; 02 (hai) viên nén màu xám và mảnh viên nén màu xám trong bì niêm phong ký hiệu G1 gửi giám định là chất ma túy, loại MDMA, khối lượng thu giữ ban đầu là 1,101 gam; Chất bột màu trắng bám dính trên mặt đĩa sứ màu trắng trong túi niêm phong ký hiệu NS1 gửi giám định là chất ma túy, loại Ketamine, Do chất ma túy Ketamine bám dính trên mặt đĩa sứ màu trắng gửi giám định ở dạng vi vết, bám dính lượng ma túy rất nhỏ nên dưới giới hạn định lượng của phương pháp phân tích, vì vậy không xác định được khối lượng Ketamine bám dính trên mặt đĩa sứ màu trắng gửi giám định.

Tại Cơ quan điều tra Lê Minh V3, Trương Anh V2, Nguyễn Thị Ngọc L, Nguyễn Thị D3 khai nhận:

Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 02/4/2023, trong lúc uống bia tại khu vực đường V, Lê Minh V3, Nguyễn Đức T2, Trần Huy H4, Đoàn Duy V, Nông Minh Q và Tống Huy T3 cùng thống nhất đi đến quán Bar R tại khu vực đường P, phường H, thành phố T để tiếp tục uống bia. Lê Minh V3 gọi điện thoại rủ Nguyễn Thị Ngọc L và bảo L rủ một bạn nữ khác đi cùng đến quán B1 để cùng uống bia. L đồng ý và rủ Nguyễn Thị D3 cùng đi. Sau đó, Lê Minh V3 và Nguyễn Đức T2 cùng nhau lên quán Bar R thì gặp L và D3, khoảng 30 phút sau H4, T3, Q, V cùng đến. Trong lúc uống bia tại quán BaR, V3 nhờ L mua hộ 05 viên ma túy keo; 1/4 (một phần tư) uôn ma túy ke và đặt hộ phòng để mọi người cùng sử dụng ma túy. L đồng ý, L nhắn tin qua ứng dụng Telegram hỏi mua ma túy của nam thanh niên tên H3, H3 đồng ý rồi gửi số tài khoản 0322216072003 của Ngân hàng Q1, chủ tài khoản

mang tên Dương Minh H3 và bảo L chuyển khoản trả 8.450.000đồng, tiền mua ma túy. Đồng thời, L nhắn tin và gọi điện thoại cho Trương Anh V2 để đặt phòng sử dụng ma túy. V2 đồng ý và gửi số tài khoản 234568188888 của Ngân hàng Q1, chủ tài khoản mang tên Trương Anh V2, để L chuyển khoản trước cho V2 2.000.000 đồng tiền đặt phòng, V2 nói với L qua đường M, thành phố T đón V2 để dẫn xuống phòng sử dụng ma túy. Sau đó, L đưa 02 số tài khoản trên cho V3 để V3 chuyển khoản trả tiền mua ma túy và thuê phòng sử dụng ma túy. V3 dùng số tài khoản 24001011937413 của Ngân hàng TMCP H8, chủ tài khoản mang tên Mai Mạnh C1 chuyển khoản đến số tài khoản 0322216072003 số tiền 8.450.000đồng (Tám triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) để trả tiền mua ma túy và chuyển khoản đến số tài khoản 234568188888, số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) để trả tiền thuê phòng. L dùng điện thoại chụp lại ảnh giao dịch mà V3 đã chuyển khoản cho H3 và V2.

Sau khi uống bia tại quán Bar, do say bia nên V3 nhờ Q điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Grand I10, màu sơn đỏ, biển kiểm soát: 20A- 197.21, trên xe lúc này có Tiêm, L, D3. V3 không nói cho Q biết chở mọi người đi để sử dụng trái phép chất ma túy, trên đường đi L bảo Q đưa về phòng trọ của L và D3 tại tổ A, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên để lấy quần áo. Sau khi lấy quần áo xong, D3 đi ra cửa phòng trọ thì gặp nam thanh niên tên Tuấn A, đưa cho D3 01 bao lì xì màu đỏ bên trong chứa ma túy kẹo, ke để D3 đưa cho L. D3 nói với Lan D4 đang cầm ma túy mà L hỏi mua trước đó. Sau đó, Q tiếp tục điều khiển xe chở V3, T2, L, D4 đi đến khu vực đường M đón V2. Văn chỉ đường để Q điều khiển xe đến nhà số D thuộc tổ A, phường T, thành phố T. H4, V, T3 đi xe của T3, V3 bảo T3 đợi tại khu vực ngã tư san nền, khi Q điều khiển xe qua khu vực ngã tư san nền, thì xe của T3 đi theo sau. Khi đến nhà số D, Văn xuống mở cửa dẫn V3, T2, L, D4, Q vào phòng rộng tầng 1 ngôi nhà, một lúc sau thì V, H4 cũng đi đến và được V2 mở cửa cho vào. T3 sau khi đưa V và H4 đến nhà số D thì đi về, không cùng vào sử dụng ma túy. Khi vào trong phòng, D4 đưa cho L 01 bao lì xì chứa ma túy kẹo và ke. Sau đó, V3 bảo L lấy ma túy kẹo chia cho mọi người sử dụng, L lấy từ trong bao lì xì ra 01 túi nilon màu trắng chứa 05 viên ma túy kẹo, bẻ đôi 03 viên ma túy kẹo đưa cho V, V3, T2, D4 và một nam thanh niên khác L không biết họ tên, địa chỉ sử dụng. V, V3, T2 và nam thanh niên còn lại đã sử dụng ma túy kẹo mà L đưa, Dương cầm số ma túy kẹo mà L đưa nhưng không sử dụng mà để xuống ghế ở trong phòng. H4 và L không sử dụng ma túy kẹo. Còn lại 02 viên ma túy kẹo và 01 mảnh viên ma túy kẹo, L cất lại vào trong túi nilon màu trắng để trên ghế trong phòng. Văn đi xuống bếp cầm vào trong phòng 01 đĩa sứ màu trắng, 01 ống hút cuốn bằng tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng mang vào phòng, để trên mặt đệm rồi đi ra nằm ở gian ngoài, không cùng sử dụng ma túy với những người trong phòng. Sau khi sử dụng ma túy kẹo, V3 nhờ V2 đi đun hộ 01 ấm nước nóng, mục đích để ngâm, làm nóng đĩa để xào ma túy ke. Sau khi Văn đun được nước nóng, L cầm đĩa đi xuống bếp thì D4 cũng đi theo sau, V2 cầm ấm nước sôi đổ lên đĩa, Dương cầm đĩa đi vào trong phòng. Lúc này, L đưa

cho D4 01 túi nilon màu trắng chứa ma túy ke để D4 xào ma túy ke, Dương cầm túi nilon đổ một phần ma túy ke lên đĩa, nhưng do không có thể nhựa để xào ma túy nên D4 bảo V3 đi ra phòng ngoài hỏi mượn thể nhựa của V2. V2 đưa cho V3 01 thể nhựa màu tím, V3 cầm đi vào trong phòng để lên trên đĩa để D4 xào ma túy ke. L mở đèn Flash điện thoại của L soi để Dương cầm thể nhựa xào ma túy ke trên đĩa. Sau khi xào xong, D4 kẻ ma túy ke rồi bê đĩa ma túy ke mời H4 sử dụng, L cầm ống hút đưa lên mũi H4 để H4 sử dụng các đường ma túy ke trên đĩa bằng hình thức hít. D4 tiếp tục kẻ ma túy ke rồi bê đĩa ma túy ke cho L và T2 sử dụng. Sau khi T2 sử dụng xong để đĩa ma túy ke xuống đệm. Lần lượt, Q, D4 cũng đã tự cầm ống hút sử dụng (hít) 01 đường ma túy ke ở trên đĩa. Sau đó, Q hỏi lấy ma túy keo để sử dụng thì lúc này D4 bảo L lấy mảnh viên ma túy keo ở ghế mà trước đó D4 không sử dụng để đưa cho Q sử dụng. L cầm 01 (một) mảnh viên ma túy keo từ trên ghế đưa cho Q sử dụng, Q cầm rồi sử dụng hết số ma túy keo mà L đưa. Một lúc sau, L và D4 thấy trên đĩa đã hết ma túy ke, nên D4 đã cầm ấm nước mang đi cắm điện để đun nước nóng, đồng thời D4 nhắn tin cho Trương Thị Mỹ D2 qua ứng dụng Messenger rủ D2 đến cùng sử dụng ma túy, D2 đồng ý rồi D4 gửi vị trí cho D2 qua ứng dụng Zalo. Sau khi nước sôi, L cầm đĩa xuống bếp đổ nước sôi lên đĩa, khi đĩa nóng L cầm đĩa lại phòng thì V2 đưa chìa khóa cổng cho L để L khóa cửa còn V2 đi đến khu vực đường M, thành phố T để ăn đêm.

Tại quán ăn đêm đường M, V2 gặp và đưa cho D1 số tiền 2.850.000 đồng là số tiền mà khách trả tiền thuê phòng sử dụng ma túy tại ngôi nhà trên trước đó. Khi L vào trong phòng, L đổ một phần ma túy ke ở trong túi nilon lên trên đĩa, dùng thể nhựa để xào ma túy ke. Đồng thời L lén lút đổ một phần ma túy ke từ trong túi nilon vào 01 túi nilon khác, sau đó cất số ma túy ke lấy được vào túi xách màu hồng của L để trên mặt đệm, mục đích mang về sử dụng cho bản thân. Khi D2 đến, D4 ra mở cổng cho D2 vào, một lúc sau V2 về thì D4 ra mở cửa cho V2 vào. Khi vào nhà, V2 tiếp tục nằm ở gian ngoài không sử dụng ma túy với mọi người trong phòng. Sau khi xào ma túy ke xong, L kẻ ma túy ke 05 lần, mỗi lần 02 đường ma túy ke, lần lượt bê đĩa ma túy ke cho V3, H4, Q, T2, D2. Khi V3 sử dụng xong, V3 kẻ một phần ma túy ke thành 02 đường ma túy ke mời V sử dụng, V đã sử dụng 01 đường ma túy ke mà V3 kẻ. Sau khi V sử dụng thì những người trên nằm ngủ nghe nhạc. Khi Lan, tỉnh dậy thấy trên đĩa còn ma túy ke nên đã đổ toàn bộ số ma túy ke vào tờ tiền 5000 đồng rồi cầm đi ra nhà vệ sinh, lúc này D4 cũng đi ra. L rủ D4 cùng sử dụng ma túy ke, D4 sử dụng hít 01 phần ma túy ke trên tờ tiền mà L cầm rồi đi vào phòng, L cũng sử dụng một phần ma túy ke trên tờ tiền. Số ma túy còn lại, L gói vào tờ tiền 5000 đồng sau đó cất vào túi xách màu hồng của L rồi đi vào trong phòng, để tại cuối giường rồi cùng mọi người nằm nghe nhạc. Đến khoảng 04 giờ 30 ngày 03/4/2023 thì có tổ công tác của Công an thành phố T đến kiểm tra, lập biên bản sự việc và thu giữ, niêm phong vật chứng.

Lời khai của Nguyễn Đức T2, Trần Huy H4, Đoàn Duy V, Nông Minh Q khai phù hợp với lời khai của **Lê Minh V3**, Trương Anh V2, Nguyễn Thị Ngọc L,

Nguyễn Thị D3. Tiêm, H4, V, Q xác định không góp tiền mua ma túy, tiền thuê phòng, không biết nguồn gốc số ma túy là của ai, không biết ai là người chuẩn bị dụng cụ sử dụng ma túy.

Lời khai nhận của các bị cáo Lê Minh V3, Trương Anh V2, Nguyễn Thị Ngọc L, Nguyễn Thị D3 phù hợp với nhau và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, người chứng kiến và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng gồm: 01 xe ô tô nhãn hiệu Hyundai I10, màu đỏ, mang biển kiểm soát: 20A- 197.21. Quá trình điều tra xác định là xe của chị Lê Quỳnh T1, là em gái của Lê Minh V3. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã trả lại cho chị T1 là chủ sở hữu quản lý và sử dụng.

- 01 bì niêm phong ký hiệu V1 bên trong chứa 0,107 gam ma túy và vỏ bao gói mẫu; 01 bì niêm phong ký hiệu L1 bên trong chứa 1,217 gam ma túy và vỏ bao gói mẫu; 01 bì niêm phong ký hiệu G1 bên trong chứa 0,908 gam ma túy và vỏ bao gói mẫu; 01 bì niêm phong ký hiệu NS1 bên trong chứa 01 đĩa sứ màu trắng, 01 thẻ nhựa màu tím, 01 ống hút cuốn bằng tờ tiền 10.000đ; 01 bì niêm phong ký hiệu L2 bên trong chứa vỏ bao gói mẫu sau giám định; 01 bì niêm phong ký hiệu G2, V2 bên trong chứa bì niêm phong ban đầu; 01 bì niêm phong ký hiệu L3 bên trong chứa bì niêm phong ban đầu và 01 tờ tiền mệnh giá 5.000đ.

- 01 bì niêm phong ký hiệu Đ bên trong có 01 điện thoại di động Iphone màu đen, thu giữ của Trương Anh V2; 01 bì niêm phong ký hiệu Đ1 bên trong có 01 điện thoại di động Iphone màu xanh, số IMEI: 350888740507458, số IMEI 2: 350888740860279, thu giữ của Nguyễn Thị Ngọc L; 01 bì niêm phong ký hiệu Đ2 bên trong có 01 điện thoại di động Iphone màu xám, số IMEI: 356713115128074, số IMEI 2: 356713114626615, thu giữ của Nguyễn Thị D3; 01 loa Bluetooth màu xanh, 01 đèn nháy màu đen, 01 túi xách giả da màu hồng. Số vật chứng trên hiện được bảo quản tại tài khoản và kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên chờ xử lý.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, người chứng kiến trong vụ án không có ý kiến hay khiếu nại gì về việc xử lý vật chứng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên.

Bản cáo trạng số 270/CT-VKS-TPTN ngày 05/9/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên truy tố bị cáo Lê Minh V3 về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự; bị cáo Trương Anh V2 về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm d khoản 2 Điều 256 Bộ luật Hình sự và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ

luật Hình sự và tội “Chiếm đoạt chất ma túy” theo điểm g khoản 1 Điều 252 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Thị D3 về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi đúng như lời khai tại cơ quan điều tra và bản cáo trạng mô tả, thừa nhận việc truy tố là đúng người, đúng tội, không oan, sai.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm các vấn đề như sau:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Minh V3 về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; bị cáo Trương Anh V2 về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và tội “Chiếm đoạt chất ma túy”; bị cáo Nguyễn Thị D3 về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Minh V3 từ 07 năm 01 tháng đến 07 năm 03 tháng tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Minh V3 từ 01 năm 02 tháng đến 01 năm 04 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt đối với cả 2 tội là 08 năm 03 tháng đến 08 năm 07 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/4/2023.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 256, điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h, khoản 1 Điều 52; Điều 55; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trương Anh V2 từ 07 năm 03 tháng đến 07 năm 06 tháng về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”; từ 12 tháng đến 15 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt đối với cả 2 tội là 08 năm 03 tháng đến 08 năm 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/4/2023.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, Điều 51; Điều 38; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L từ 05 năm 03 tháng đến 05 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; Áp dụng **điểm g khoản 1 Điều 252**; điểm s khoản 1, Điều 51; Điều 38; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội “Chiếm đoạt chất ma túy”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt đối với cả 2 tội là 06 năm đến 06 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/4/2023.

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D3 từ 07 năm đến

07 năm 03 tháng từ về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 03/4/2023.

3. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

4. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động Iphone màu đen, thu giữ của Trương Anh V2; 01 điện thoại di động Iphone màu xanh, số IMEI: 350888740507458, số IMEI 2: 350888740860279, thu giữ của Nguyễn Thị Ngọc L; 01 điện thoại di động Iphone màu xám, số IMEI: 356713115128074, số IMEI 2: 356713114626615, thu giữ của Nguyễn Thị D3; 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng; 01 tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng; 01 loa Bluetooth màu xanh, đã qua sử dụng.

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 bì niêm phong ký hiệu V1 bên trong chứa 0,107 gam ma túy và vỏ bao gói mẫu; 01 bì niêm phong ký hiệu L1 bên trong chứa 1,217 gam ma túy và vỏ bao gói mẫu; 01 bì niêm phong ký hiệu G1 bên trong chứa 0,908 gam ma túy và vỏ bao gói mẫu; 01 bì niêm phong ký hiệu NS1 bên trong chứa 01 đĩa sứ màu trắng, 01 thẻ nhựa màu tím; 01 bì niêm phong ký hiệu L2 bên trong chứa vỏ bao gói mẫu sau giám định; 01 bì niêm phong ký hiệu G2, V2 bên trong chứa bì niêm phong ban đầu; 01 bì niêm phong ký hiệu L3 bên trong chứa bì niêm phong ban đầu; 01 đèn nháy màu đen; 01 túi xách giả da màu hồng.

- Ghi nhận sự tự nguyện nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 2.000.000 đồng của bị cáo V2.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Minh H6 khai rõ số tài khoản 0322216072003 tại Ngân hàng Q1, chủ tài khoản mang tên Dương Minh H3 là do anh mở nhưng anh đã đánh mất tài khoản và mã pin; anh H3 chưa bao giờ sử dụng, giao dịch bằng số tài khoản trên. Khi mất anh H3 không báo với Ngân hàng để khóa tài khoản; anh H3 không biết ai là người sử dụng số tài khoản trên và ngày 02/4/2023 anh H3 không liên lạc với L, không bán ma túy cho L.

Các bị cáo Lê Minh V3, Trương Anh V2, Nguyễn Thị Ngọc L, Nguyễn Thị D3 và những người tham gia tố tụng khác nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát. Trong phần tranh luận, các bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Luật sư Hoàng Thị B – Bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L xác định: Viện kiểm sát truy tố bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L về tội về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ Luật hình sự và tội “Chiếm đoạt chất ma túy” theo điểm g khoản 1 Điều 252 Bộ luật hình sự là đúng, không bị oan. Khi phạm tội bị cáo L dưới 18 tuổi; tuổi đời còn trẻ, bị cáo nhận

thức pháp luật còn hạn chế, nhất thời phạm tội, bị cáo có nhân thân tốt, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức thấp nhất của khung hình phạt để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

Các bị cáo có lời nói sau cùng: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về hành vi của các bị cáo:

[2] Căn cứ vào lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa và lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám xét thu giữ vật chứng, kết luận giám định và các chứng cứ tài liệu khác được thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ xác định: Hồi 04 giờ 50 phút, ngày 03/4/2023, tại nhà số D thuộc tổ A phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, Lê Minh V3 có hành vi tàng trữ 1,101 gam MDMA, Trương Anh V2 có hành vi tàng trữ 0,207 gam MDMA để sử dụng thì bị tổ công tác của Công an thành phố T, thu giữ vật chứng. Quá trình điều tra xác định Lê Minh V3 có hành vi chỉ đạo việc chuẩn bị ma túy, địa điểm và cung cấp dụng cụ, phương tiện cho Nông Minh Q, Nguyễn Đức T2, Đoàn Duy V, Trần Huy H4, Nguyễn Thị Ngọc L, Nguyễn Thị D3 và Trương Thị Mỹ D2 cùng sử dụng. Trong đó, Nguyễn Thị Ngọc L là người dưới 18 tuổi. Trương Anh V2 có hành vi cho thuê địa điểm được giao quản lý để chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy. Nguyễn Thị Ngọc L có hành vi thực hiện theo sự chỉ đạo của V3, trực tiếp hỏi mua ma túy, đặt thuê phòng, chia, xào ma túy để các đối tượng sử dụng trái phép và L có hành vi chiếm đoạt 1,403 gam Ketamine nhằm mục đích để sử dụng cho bản thân. Nguyễn Thị D3 có hành vi nhận, cầm chất ma túy mang đến số nhà D, chia, xào ma túy để các đối tượng sử dụng trái phép.

[3] Bản cáo trạng số 270/CT-VKS-TPTN ngày 05/9/2023 truy tố bị cáo Lê Minh V3 về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự; bị cáo Trương Anh V2 về tội “Chứa chấp việc

sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm d khoản 2 Điều 256 Bộ luật Hình sự và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự và tội “Chiếm đoạt chất ma túy” theo điểm g khoản 1 Điều 252 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Thị D3 về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung điều luật như sau:

Điều 249 Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

c, ...MDMA có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam”

Điều 252 Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào chiếm đoạt trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

g, Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 01 gam đến dưới 20 gam”

Điều 255 Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

b) Đối với 02 người trở lên;

c) Đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi”

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội và thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, đã xâm phạm đến quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, là mối hiểm họa cho cộng đồng, là nguyên nhân phát sinh các tội phạm khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Xét thấy, cần phải xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự, nhằm giáo dục cải tạo các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Xét vai trò của các bị cáo: Bị cáo Lê Minh V3 là người chỉ đạo, rủ rê các bị cáo thực hiện tội phạm; Nguyễn Thị Ngọc L là người hỏi mua ma túy, thuê địa điểm, chia, xào ma túy, cùng các bị cáo sử dụng trái phép; Nguyễn Thị D3 là người cầm ma túy, chia, xào ma túy và cùng các bị cáo sử dụng trái phép. Bị cáo L, D3 là đồng phạm với vai trò là người giúp sức và là người trực tiếp người thực hiện tội phạm. Trương Anh V2 là người cho thuê địa điểm là người trực tiếp thực hiện tội phạm. Hội đồng xét xử căn cứ vào nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

[6] Đối chiếu với các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo thành khẩn khai báo và tỏ ra thật sự ăn năn, hối cải, do vậy, các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo V2 có ông nội tham gia kháng chiến được tặng thưởng nhiều Huân chương các loại, sau khi phạm tội bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội, đã tác động đến gia đình nộp lại số tiền 2.000.000 đồng V3 đã chuyển khoản cho V2 ngày 03/4/2023 để đặt cọc thuê phòng vào tài khoản của Chi cục Thi hành án để nộp ngân sách Nhà nước. Do vậy, bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo V2 phải chịu 01 tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h, khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đó là “*Tái phạm*”; các bị cáo V3, L, D3 không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về hình phạt đối với các bị cáo: Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo thấy, các bị cáo tuổi đời còn trẻ, nhận thức pháp luật còn hạn chế, bị cáo L, D3 có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự; bị cáo V3 năm 2018 bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Xâm hại sức khỏe của người khác”; bị cáo V2 có 01 tiền án, năm 2019 bị Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xử phạt 24 tháng tù về tội “Bắt người trái pháp luật”, lần phạm tội này thuộc trường hợp Tái phạm. Do vậy, cần áp dụng mức hình phạt tương xứng đối với hành vi phạm tội của các bị cáo để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, vừa đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa tội phạm, vừa thể hiện tính nhân đạo và sự khoan hồng của chính sách pháp luật hình sự. Đồng thời, để tạo điều kiện động viên các bị cáo cải tạo tốt, để trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội. Mức hình phạt vi đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo là phù hợp, có căn cứ chấp nhận.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy, các bị cáo đều không có nghề nghiệp và không có thu nhập ổn định. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[9] Về vật chứng: Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng, 01 tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng, 03 chiếc điện thoại di động, 01 chiếc loa Bluetooth các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội; tịch thu, tiêu hủy vật chứng khác là phương tiện, công cụ các bị cáo sử dụng để thực hiện tội phạm. Số tiền 2.000.000 đồng, tiền V3 chuyển tiền đặt cọc thuê phòng cho V2, cần truy thu nộp ngân sách Nhà nước (ông Trương Văn H1 là bố đẻ của V2 đã nộp thay V2 tại Biên lai thu tiền số 0000175, ngày 20/9/2023 của Chi cục Thi hành án thành phố Thái Nguyên).

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về nguồn gốc số ma túy các bị cáo đã sử dụng và số ma túy bị thu giữ, Nguyễn Thị Ngọc L khai hỏi mua của một nam thanh niên tên H3 qua việc nhắn tin, gọi điện trên ứng dụng Telegram và được V3 chuyển khoản trả tiền mua ma túy đến số tài khoản 0322216072003, chủ tài khoản mang tên Dương Minh H3, sinh năm 2003, nơi cư trú: Tổ H, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Quá trình điều tra và tại phiên tòa H3 khai không bán ma túy cho L và H3 không sử dụng số tài khoản 322216072003 do H3 đã làm mất số tài khoản và phong bì có ghi mã pin kích hoạt tài khoản trên. Tiến hành đối chất giữa H3 và L, L không xác định được người nói chuyện với L qua ứng dụng Telegram có phải là Dương Minh H3 hay không. Nguyễn Thị D3 khai, đã nhận ma túy từ nam thanh niên tên Tuấn A, D3 không biết họ tên, địa chỉ của người này. Quá trình điều tra cơ quan Công an cho D3 nhận dạng đối với H3 để xác định người đưa ma túy cho D3, D3 không nhận ra được người đưa ma túy cho D3 vào ngày 02/4/2023. Do vậy, Cơ quan điều tra Công an thành phố T không có căn cứ để xử lý đối với Dương Minh H3. Đối với thanh niên tên Tuấn A không xác định được họ tên, địa chỉ của người này vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T không có căn cứ để xử lý và mở rộng vụ án là phù hợp.

Đối với Nông Minh Q, Nguyễn Đức T2, Đoàn Duy V, Trần Huy H4 và Trương Thị Mỹ D2 đã có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy cùng với Lê Minh V3, Nguyễn Thị Ngọc L, Nguyễn Thị D3 vào ngày 03/4/2023, Công an thành phố T đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định.

Đối với ông Phạm Minh D1, theo Trương Anh V2 khai nhận đã chỉ đạo V2 đến số nhà D để trông coi, quản lý và nhận khách đến thuê phòng sử dụng ma túy. Quá trình điều tra ông D1 khai cho V2 đến ngôi nhà trên để ở, đồng thời nhờ V2 trông coi, quản lý ngôi nhà. Việc V2 cho các đối tượng thuê nhà để sử dụng trái phép chất ma túy ông D1 hoàn toàn không biết. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T không đủ căn cứ để xử lý đối với ông D1 là phù hợp.

Đối với chị Lê Quỳnh T1 là người cho V3 mượn chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Grand I10, mang biển kiểm soát 20A-197.21. Quá trình điều tra xác định chị T1 không biết việc V3 sử dụng xe ô tô trên để đi sử dụng trái phép chất ma túy. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T không có căn cứ để xử lý là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Minh V3 về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; bị cáo Trương Anh V2 về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và tội

“Chiếm đoạt chất ma túy”; bị cáo Nguyễn Thị D3 về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

2.1. Đối với Lê Minh V3:

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt Lê Minh V3 07 năm 01 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”;

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s, khoản 1, Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt Lê Minh V3 14 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

- Căn cứ vào Điều 55 Bộ luật hình sự; buộc bị cáo Lê Minh V3 phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là **08 năm 03 tháng** tù (Tám năm ba tháng). Thời hạn tù tính từ ngày 03/4/2023.

2.2. Đối với Trương Anh V2:

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 256, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt Trương Anh V2 07 năm 03 tháng tù về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”;

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt Trương Anh V2 12 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

- Căn cứ vào Điều 55 Bộ luật hình sự; buộc bị cáo Trương Anh V2 phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là **08 năm 03 tháng** tù (tám năm ba tháng). Thời hạn tù tính từ ngày 03/4/2023.

2.3. Đối với Nguyễn Thị Ngọc L:

- Áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 91, Điều 101, Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt Nguyễn Thị Ngọc L 05 năm 03 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”;

- Áp dụng điểm g khoản 1 Điều 252, điểm s, khoản 1, Điều 51; Điều 91; Điều 101; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt Nguyễn Thị Ngọc L 09 tháng tù về tội “Chiếm đoạt chất ma túy”;

- Căn cứ vào Điều 55 Bộ luật hình sự; buộc bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là **6 (S1) năm** tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/4/2023.

2.4. Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt Nguyễn Thị D3 7 (B2) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”;

3. Căn cứ Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự; Quyết định tạm giam các bị cáo Lê Minh V3, Trương Anh V2, Nguyễn Thị Ngọc L, Nguyễn Thị D3, mỗi bị cáo 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

4. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

5. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Truy thu nộp ngân sách Nhà nước của bị cáo Trương Anh V2 số tiền 2.000.000 đồng (đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0000175, ngày 20/9/2023 của Chi cục Thi hành án thành phố Thái Nguyên)

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng trong bì niêm phong ký hiệu NS1; 01 tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng trong bì niêm phong ký hiệu L3; 01 điện thoại di động Iphone màu đen trong bì niêm phong ký hiệu Đ; 01 điện thoại di động Iphone màu xanh, số Imei: 350888740507458, số Imei 2: 350888740860279 trong bì niêm phong ký hiệu Đ1; 01 điện thoại di động Iphone màu xáms, số Imei: 356713115128074, số Imei 2: 356713114626615 trong bì niêm phong ký hiệu Đ2; 01 loa Bluetooth màu xanh.

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 bì niêm phong ký hiệu V1 bên trong chứa 0,107 gam ma túy và vỏ bao gói mẫu, mặt sau có chữ ký của Lê Tuấn A1, Nguyễn Thành T4 và các dấu của Phòng K1 Công an tỉnh T; 01 bì niêm phong ký hiệu L1 bên trong chứa 1,217 gam ma túy và vỏ bao gói mẫu, mặt sau có chữ ký của Lê Tuấn A1, Nguyễn Thành T4 và các dấu của Phòng K1 Công an tỉnh T; 01 bì niêm phong ký hiệu G1 bên trong chứa 0,908 gam ma túy và vỏ bao gói mẫu, mặt sau có chữ ký của Lê Tuấn A1, Nguyễn Thành T4 và các dấu của Phòng K1 Công an tỉnh T; 01 bì niêm phong ký hiệu NS1 bên trong chứa 01 đĩa sứ màu trắng, 01 thẻ nhựa màu tím, mặt sau có chữ ký của Lê Tuấn A1, Nguyễn Thành T4 và các dấu của Phòng K1 Công an tỉnh T; 01 bì niêm phong ký hiệu L2 bên trong chứa vỏ bao gói mẫu sau giám định, mặt sau có chữ ký của Lê Tuấn A1, Nguyễn Thành T4 và các dấu của Phòng K1 Công an tỉnh T; 01 bì niêm phong ký hiệu L3 bên trong chứa bì niêm phong ban đầu, mặt sau có chữ ký của Lê Tuấn A1, Phó Mạnh Tùng, Nguyễn Hữu H7, Bùi Tuấn A2, Nguyễn Duy V1, Nguyễn Thị Ngọc L và 03 dấu của Cơ quan CSĐT Công an T; 01 bì niêm phong ký hiệu G2 bên trong chứa bì niêm phong ban đầu, mặt sau có chữ ký của Lê Tuấn A1, Phó Mạnh Tùng, Nguyễn Hữu H7, Bùi Tuấn A2, Nguyễn Duy V1, Nguyễn Thị Ngọc L, Lê Minh V3, Nguyễn Thị D3 và 03 dấu của Cơ quan CSĐT Công an T; 01 bì niêm phong ký hiệu V2 bên trong chứa bì niêm phong ban đầu, mặt sau có chữ ký của Lê Tuấn A1, Phó Mạnh Tùng, Nguyễn Hữu H7, Bùi Tuấn A2, Nguyễn Duy V1, Trương Anh V2 và 03 dấu của Cơ quan CSĐT Công an T; 01 đèn nháy màu đen, 01 túi xách giả da màu hồng.

Tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 443 ngày 19/9/2023 giữa Công an thành phố T và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

6. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; buộc Lê Minh V3, Trương Anh V2,

Nguyễn Thị Ngọc L, Nguyễn Thị D3 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm, nộp vào ngân sách Nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, Điều 333 và Điều 337 Bộ luật Tố tụng hình sự. Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, có mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Dương Minh H3, Trương Văn H1 báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phạm Minh D1, Lê Quỳnh T1, Mai Mạnh C1 báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Nhàn

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên
- VKSND TP. Thái Nguyên;
- Công an TP. Thái Nguyên;
- Chi cục THADS TP. Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Nhàn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Nhàn

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên
- VKSND TP. Thái Nguyên;
- Công an TP. Thái Nguyên;
- Chi cục THADS TP. Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Nhàn

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên
- VKSND TP. Thái Nguyên;
- Công an TP. Thái Nguyên;
- Chi cục THADS TP. Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vương Hồng Giang

